

Số: 95 /NQ-HĐND

TP. Sóc Trăng, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 vốn ngân sách địa phương,
thành phố Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư
phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 vốn ngân
sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố
Sóc Trăng (đợt 1);*

*Xét Báo cáo số 384/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sóc Trăng về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021
và kế hoạch đầu tư năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố
Sóc Trăng; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022: **154.054 triệu đồng** (Một trăm năm mươi bốn tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu đồng), gồm các nguồn sau:

1. Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 125.489.000.000 đồng
 - Vốn cân đối ngân sách: 32.489.000.000 đồng (Bao gồm nguồn vốn chuẩn bị đầu tư).
 - Vốn thu tiền sử dụng đất: 93.000.000.000 đồng.
2. Vốn tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 28.565.000.000 đồng.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, KH&ĐT, Tài chính;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng ban, ngành TP (Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- TT. HĐND và UBND 10 phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Trần Văn Trí**

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Mã, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó		
										Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Tạm giữ tiết kiệm 10% TMBT		Dự kiến giao cho Chủ đầu tư
	Tổng số (26 dự án)									177.426,335	177.426,335	179.847,724	5.500,000	154.054,000	154.054,000		
	Vốn trong nước									177.426,335	177.426,335	179.847,724	5.500,000	154.054,000	154.054,000		
	Vốn ngoài nước																
	Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (I+II)									177.426,335	177.426,335	179.847,724	5.500,000	154.054,000	154.054,000		
I	Vốn chuẩn bị đầu tư											5.110,674		5.110,674	5.110,674		
II	Vốn thực hiện dự án (26 dự án)									177.426,335	177.426,335	174.737,050	5.500,000	148.943,325	148.943,325		
II.1	Vốn tính hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết (03 dự án)									39.175,000	39.175,000	39.160,000	5.500,000	28.565,000	28.565,000		
	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (03 dự án)													-			
	<i>Công trình khởi công mới</i>													-			
1	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1 thành phố Sóc Trăng	P10	KBNN	Ban QLDA	7891019	072	Xây dựng khối 20 phòng, cải tạo khối phòng học	2021-2022	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500,000	14.500,000	14.485,000	5.500,000	8.985,000	8.985,000		
2	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng.	P2	KBNN	Ban QLDA	7918286	072	XD khối phòng, khối HC quản trị	2022	Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	14.975,000	14.975,000	14.975,000		10.000,000	10.000,000		
3	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	KBNN	Ban QLDA	7918288	073	Cải tạo khối phòng học, các HM phụ trợ	2022	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	9.700,000	9.700,000	9.700,000		9.580,000	9.580,000		
II.2	Vốn phân cấp ngân sách thành phố (22 dự án)									148.251,334	138.251,335	135.577,050		120.378,325	120.378,325		
II.2.1	Vốn Cân đối ngân sách thành phố (06 dự án)									41.743,568	36.743,568	36.141,500		31.816,839	31.816,839		
	Giao thông (04 dự án)									37.199,347	32.199,347	31.657,500		28.049,612	28.049,612		
	<i>Công trình khởi công mới</i>													-			



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Mã, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó		
										Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Tạm giữ tiết kiệm 10% TMBT		Dự kiến giao cho Chủ đầu tư
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	TPST	KBNN	Ban QLDA	7910969	292	Chiều dài tuyến dài khoảng: 755m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2022	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	7.328,784	7.328,784	7.220,000	6.263,420	6.263,420			
2	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	TPST	KBNN	Ban QLDA	7918293	292	tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, Thoát nước, chiếu sáng	2022	Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	3.314,307	3.314,307	3.325,000	3.000,019	3.000,019			
3	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Định Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	KBNN	Ban QLDA	7910314	292	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2022	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606,256	11.606,256	11.162,500	9.707,234	9.707,234			
4	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	KBNN	Ban QLDA	7910321	292	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lồi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khô; Mở rộng mặt sân bờ kè rộng thêm 3,0m	2021-2022	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	9.950,000	9.950,000	9.078,938	9.078,938			
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước (02 dự án)									4.544,221	4.544,221	4.484,000	3.767,226	3.767,226			
	Công trình khởi công mới												-				
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	KBNN	Ban QLDA	7918294	341	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m ² , sân nội bộ, bồn hoa	2022	Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1.866,241	1.866,241	1.824,000	1.525,696	1.525,696			
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	KBNN	Ban QLDA	7918296	341	Cải tạo Khối hành chính (01 trệt, 01 lầu), khối phòng giáo viên (01 trệt), hội trường, khu vệ sinh, công hàng rào, sân đường, nhà xe, nạo vét hệ thống thoát nước	2022	Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	2.677,980	2.677,980	2.660,000	2.241,530	2.241,530			
II.2.2	Vốn thu tiền sử dụng đất (16 dự án)									106.507,766	101.507,767	99.435,550	88.561,487	88.561,487			
	Giao thông (06 dự án)									66.625,682	66.625,682	64.286,500	56.186,145	56.186,145			
	Công trình khởi công mới												-				

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Mã, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú		
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Tổng số		Trong đó	
										Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN							Tạm giữ tiết kiệm 10% TMDT	Dự kiến giao cho Chủ đầu tư
1	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	KBNN	Ban QLDA	7918291	292	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa, Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống thoát nước	2022	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939,340	14.939,340	14.231,000		12.435,815		12.435,815			
2	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	KBNN	Ban QLDA	7910320	292	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2; thảm nhựa nóng BTNC hạt mịn dày 7cm; Tuyến nhánh Chiều dài tuyến: L = 60m; bê tông cốt thép dày 14cm	2022	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626,075	6.626,075	7.125,000		6.065,515		6.065,515			
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	KBNN	Ban QLDA	7926180	292	Chiều dài tuyến: 1980m	2022	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.266,718	8.266,718	7.885,000		6.797,911		6.797,911			
4	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	KBNN	Ban QLDA	7926552	292	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kênh 77 và cầu kênh 2/9	2022	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	6.996,738	6.996,738	6.650,000		6.019,856		6.019,856			
5	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	KBNN	Ban QLDA	7918292	292	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kẻ vạch tim đường	2022	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.896,812	14.896,812	14.155,000		12.327,367		12.327,367			
6	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tà Lách), phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	KBNN	Ban QLDA	7926551	292	Chiều dài tuyến khoảng 820m, bề rộng đường 15m ; Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm	2022	Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.900,000	14.900,000	14.240,500		12.539,682		12.539,682			
	Lĩnh vực giáo dục (01 giáo dục)									4.199,514	4.199,514	4.190,000	-	3.980,500		3.980,500			
	Công trình khởi công mới													-					
1	Xây dựng công hàng rào, sân đường, nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	KBNN	Ban QLDA	7926554	072	Hàng rào, sân đường, nhà xe	2022	Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.199,514	4.199,514	4.190,000		3.980,500		3.980,500			
	Lĩnh vực Văn hóa (01 dự án)									2.399,000	2.399,000	2.279,050	-	2.166,177		2.166,177			
	Công trình khởi công mới													-					



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Mã, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú		
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Tổng số		Trong đó	
										Tạm giữ tiết kiệm 10% TMDT	Dự kiến giao cho Chủ đầu tư								
1	Trang trí bờ kè và hệ lan can đèn Led nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	KBNN	Ban QLDA	7918295	161	Tổng chiều dài 673m	2022	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	2.399,000	2.399,000	2.279,050		2.166,177		2.166,177			
	Lĩnh vực quản lý nhà nước (06 dự án)													8.830,946		8.830,946			
	Công trình khởi công mới																		
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	KBNN	Ban QLDA	7910970	341	Sơn bề tường trong, ngoài và hàng rào, thay tole chống dột, thay mới la phong, xử lý chống thấm; Ốp gạch chân tường cao 25cm	2022	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	851,000	851,000	808,450		750,114		750,114			
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 9, Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	KBNN	Ban QLDA	7910319	341	Sơn bề đồng bộ toàn nhà, thay la phong trong WC, xử lý thấm trần, hộp gen, ốp chân tường 25cm.	2022	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.451,764	1.451,764	1.437,350		1.340,654		1.340,654			
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở các xóm trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,9,10	KBNN	Ban QLDA	7911078	341	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	4.098,439	4.098,439	4.336,750		3.858,833		3.858,833			
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các xóm trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	KBNN	Ban QLDA	7910311	341	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; xử lý chống dột; sơn các loại cửa sắt...	2022	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	1.673,124	1.673,124	1.721,400		1.562,660		1.562,660			
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 2, phường 3, phường 4 phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	KBNN	Ban QLDA	7910313	341	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	629,000	629,000	597,550		547,122		547,122			
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P7,8,10	KBNN	Ban QLDA	7910170	341	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2022	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	830,243	830,243	978,500		771,563		771,563			
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (01 dự án)													9.750,456		9.750,456			
	Công trình khởi công mới																		
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	P2	KBNN	Ban QLDA	7910318	312	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021-2022	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	9.950,000	9.950,000		9.750,456		9.750,456			
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (01 dự án)													7.597,263		7.597,263			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (Mã, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (ước cả năm)	Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Trong đó			
										Tổng số				Trong đó: phần vốn NSNN	Tạm giữ tiết kiệm 10% TMBT		Dự kiến giao cho Chủ đầu tư
	Công trình khởi công mới																
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cò Bắc), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	KBNN	Ban QLDA	7926177	281	Tường chắn đất dài 23 mét đoạn giáp nối bên phải tuyến với công qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng đóng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	2022	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.800,000	8.800,000	8.800,000		7.597,263		7.597,263	
	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán										50,000		50,000		50,000		

